

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tươi;
- Ông Dương Công Danh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 531/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Tổ chức tài chính vi mô Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP).

Địa chỉ: [Số A, C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Lê Văn G](#) – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông [Lê Linh P](#) – Tổ trưởng tín dụng – [Chi nhánh B](#).

Địa chỉ: [Số B L, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An](#).

(Văn bản uỷ quyền ngày 31/10/2024)

- **Bị đơn:** Bà [Nguyễn Thị Bình M](#), sinh năm 1964.

Địa chỉ: [Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An](#).

(ông [Lê Linh P](#) và bà [Nguyễn Thị Bình M](#) vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) do ông [Lê Linh P](#) là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/3/2024, bà [Nguyễn Thị Bình M](#) có vay của Tổ chức tài chính vi mô CEP - [Chi nhánh B](#) số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất: 0,18%/01 tuần/vốn vay ban đầu, thời hạn vay 40 tuần, phương thức hoàn trả vốn và lãi hàng tuần. Tổng lãi mà bà [Nguyễn Thị Bình M](#) phải trả sau 40 tuần là 2.880.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi phải trả cho Tổ chức tài chính vi mô CEP - [Chi nhánh B](#) đến thời điểm cuối đợt vay (ngày tắt toán kế hoạch theo Hợp đồng vay vốn là ngày 09/12/2024) là 42.880.000 đồng. Từ ngày 24/10/2024 đến nay, bà [Nguyễn Thị Bình M](#) không tiếp tục hoàn trả nợ đúng theo Hợp đồng vay vốn ký với Tổ chức tài chính vi mô CEP - [Chi nhánh B](#). Cụ thể, từ ngày 14/3/2024 đến ngày 24/10/2024, bà [M](#) trả được 31.513.471 đồng (trong đó vốn gốc là 29.425.471 đồng, tiền lãi là 2.088.000 đồng). Số tiền còn nợ lại tính đến thời điểm tắt toán khoản vay theo hợp đồng vay vốn (ngày tắt toán kế hoạch theo Hợp đồng vay vốn là ngày 09/12/2024) là 11.366.529 đồng, trong đó vốn gốc là 10.574.529 đồng, tiền lãi là 792.000 đồng. Số tiền đã phát sinh nợ quá hạn so với lịch hoàn trả theo Hợp đồng vay vốn là 4.526.529 đồng, trong đó nợ quá hạn vốn là 4.166.529 đồng, nợ lãi quá hạn là 360.000 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 31/10/2024). Bà [Nguyễn Thị Bình M](#) có khả năng hoàn trả số tiền 4.526.529 đồng nợ quá hạn nêu trên nhưng cố tình kéo dài và không tiếp tục hoàn trả nợ cho Tổ chức tài chính vi mô CEP - [Chi nhánh B](#) mặc dù chi nhánh đã nhiều lần liên hệ nhưng không giải quyết được. Do đó, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

Yêu cầu bà [Nguyễn Thị Bình M](#) có nghĩa vụ trả cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) số tiền 11.366.529 đồng, trong đó vốn gốc là 10.574.529 đồng và tiền lãi là 792.000 đồng. Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Bị đơn là bà [Nguyễn Thị Bình M](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bà [Nguyễn Thị Bình M](#) đều vắng mặt không có lý do. Bà [Nguyễn Thị Bình M](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm khởi kiện yêu cầu bà [Nguyễn Thị Bình M](#) có nghĩa vụ trả lại số tiền 11.366.529 đồng, trong đó vốn gốc là 10.574.529 đồng và tiền lãi là 792.000 đồng tính từ ngày 24/10/2024 đến ngày 31/12/2024. Hiện bà [Nguyễn Thị Bình M](#) đang cư trú tại [ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An](#). Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm có đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà [Nguyễn Thị Bình M](#) được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà [Nguyễn Thị Bình M](#).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thấy rằng:

[3.1] Theo danh sách cho vay ngày 05/3/2024, Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm có cho bà [Nguyễn Thị Bình M](#) vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 0,18%/tuần, kỳ hạn vay 40 tuần kể từ ngày 05/3/2024, mục đích vay sửa nhà.

[3.2] Tuy nhiên, phía nguyên đơn trình bày đến hết ngày 09/12/2024, bà [Nguyễn Thị Bình M](#) không trả tiền vay và lãi suất cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm theo thỏa thuận. Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm đã nhiều lần liên lạc nhưng bà [M](#) không trả nợ vay và lãi suất. Hiện bà [Nguyễn Thị Bình M](#) còn nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm số tiền gốc là 10.574.529 đồng.

Bà [Nguyễn Thị Bình M](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà [M](#) đều vắng mặt không có lý do. Bà [M](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đến kỳ hạn trả nợ vay, bà [M](#) vi phạm nghĩa vụ nên bà [M](#) phải hoàn trả lại số tiền vay là 10.574.529 đồng cho Tổ chức tài chính vi

mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa các bên xác lập hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[3.3] Về lãi suất cho vay: Theo Hợp đồng vay vốn số 20240305MINH317 ngày 05/3/2024 giữa Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm và bà [Nguyễn Thị Bình M](#), mức lãi suất thỏa thuận là 0,18%/tuần. Thỏa thuận mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do phía bị đơn bà [M](#) không chứng minh được đã trả lãi cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm nên buộc bà [M](#) có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 05/3/2024 đến ngày 31/10/2024 là 792.000 đồng.

Nguyên đơn là Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm không yêu cầu tính thêm bất kỳ khoản tiền lãi nào phát sinh từ ngày 01/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà [Nguyễn Thị Bình M](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 568.326 đồng (11.366.529 đồng x 5%) do yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) đối với bà [Nguyễn Thị Bình M](#).

Buộc bà [Nguyễn Thị Bình M](#) có nghĩa vụ trả cho Tổ chức tài chính vi mô Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) số tiền 11.366.529 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo Hợp đồng vay vốn số 20240305MINH317 ngày 05/3/2024 giữa Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm và bà [Nguyễn Thị Bình M](#), tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà [Nguyễn Thị Bình M](#) phải chịu 568.326 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Tổ chức tài chính vi mô Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007128 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm